

Số: 06 /2023/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 17 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ

trường Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 19/TTr-SNN ngày 18 tháng 01 năm 2023 và Công văn số 996/SNN-PTNT ngày 21 tháng 3 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm thi thành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Lao động-TBXH, Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LDVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: KG-VX; NN-TN(NhưQP3,4);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Sử



QUY ĐỊNH

Nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(kèm theo Quyết định số *06* /2023/QĐ-UBND ngày *17* tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Đối tượng áp dụng

a) Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định mức hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

b) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh Cà Mau; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

c) Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Điều 2. Nguyên tắc, phương thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ đúng đối tượng, nội dung được quy định tại khoản 2 Điều 1 và khoản 1 Điều 3 Quy định này.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp; hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng thực hiện theo dự án.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung, mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất nông nghiệp và dự án phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng

1. Nội dung hỗ trợ dự án

a) Tập huấn kỹ thuật; cán bộ đến tận hộ gia đình tư vấn chuyển giao kỹ thuật, kiến thức sản xuất nông nghiệp đảm bảo dinh dưỡng, sản xuất nông nghiệp an toàn, sử dụng lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng theo tài liệu hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Đối với lĩnh vực trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

c) Đối với lĩnh vực chăn nuôi: Hỗ trợ con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc thú y phòng và điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất.

d) Đối với lĩnh vực lâm nghiệp: Hỗ trợ giống cây trồng lâm nghiệp, phân bón.

đ) Đối với lĩnh vực khai thác ngư nghiệp: Hỗ trợ hầm bảo quản thủy sản khai thác trên tàu cá; ngư cụ đánh bắt.

e) Đối với lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất và lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản.

g) Đối với lĩnh vực diêm nghiệp: Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ trong sản xuất, chế biến muối.

h) Hỗ trợ vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất trong sơ chế, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm để nâng cao giá trị nông sản, an toàn thực phẩm và đảm bảo dinh dưỡng.

i) Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án.

2. Mức hỗ trợ dự án

Mức hỗ trợ tối đa là 500.000.000 đồng/dự án. Đối với các đối tượng thuộc quy định tại điểm b và c khoản 2 Điều 1 Quy định này, mức hỗ trợ tối đa là 30.000.000 đồng/hộ/dự án.

Điều 4. Nội dung và mức chi cụ thể của dự án

Nội dung chi cụ thể của dự án thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và mức chi cụ thể của dự án thực hiện theo Điều 13 của Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Xây dựng, thẩm định phê duyệt và tổ chức quản lý, giám sát, đánh giá dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau: Xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, để gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, đúng quy định và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tình hình triển khai, kết quả thực hiện. Thực hiện chế độ báo cáo tại Điều 5 của Quy định này hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm; hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc triển khai, thực hiện; tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) và Bộ, ngành có liên quan theo quy định.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (cơ quan chủ trì quản lý Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh): Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan tổng hợp, xây dựng phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (bao gồm việc phân bổ kinh phí quản lý, kiểm tra, giám sát cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

4. Sở Tài chính phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; phối hợp cung cấp số liệu về tình hình thực hiện nguồn vốn sự nghiệp cho cơ quan tổng hợp chương trình.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh): Phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện chương trình và cơ quan chủ trì thực hiện dự án thành phần theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này khi có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản mới ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.